

**TỔNG CÔNG TY
MÁY ĐỘNG LỰC VÀ
MÁY NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM - CTCP**

Digitally signed by TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG
LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=TÂY HỒ, CN=TỔNG
CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG
NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0100103866
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.27 14:44:28+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 13.1.2

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 06 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2026



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 53

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Ngô Khải Hoàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2. Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
3. Ông Nguyễn Tiến Vy	Thành viên
4. Ông Ngô Quang Trung	Thành viên
5. Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên
6. Bà Trần Thị Nguyệt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng Giám đốc
2. Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Lê Công Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên
3. Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hoàng Giang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hoàng Giang

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2026

Số: 082203/2026/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 22 tháng 08 năm 2026, từ trang 7 đến trang 53 bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 và ngày 30 tháng 06 năm 2026, Nhà máy Ô tô VEAM (đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty) đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với một số mặt hàng là linh kiện chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị. Giá gốc của các mặt hàng này lần lượt là 164,9 tỷ đồng và 156,3 tỷ đồng; giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập tương ứng là 76,7 tỷ đồng tại cả hai thời điểm nêu trên. Việc xác định giá trị dự phòng được thực hiện trên cơ sở tham khảo giá trị ước tính của Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho tồn đọng lâu ngày nêu trên tại ngày 01 tháng 01 năm 2026 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2026. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh đối với khoản mục dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

Tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 và ngày 30 tháng 06 năm 2026, Tổng Công ty đã và đang ghi nhận chi phí mua bản quyền công nghệ của Dự án nghiên cứu, chế tạo máy kéo 4 bánh hạng trung trên chỉ tiêu "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với cùng giá trị 53,5 tỷ đồng (chi tiết tại thuyết minh số V.12), trong khi đó giá trị chi phí này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận các cá nhân liên quan có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ cho Tổng Công ty. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa thực hiện điều chỉnh và ghi nhận khoản phải thu các cá nhân liên quan và chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi cũng như trích lập dự phòng (nếu có) theo quy định. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục "Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang" và các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở của kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con của Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và xem xét trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán đến thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 và ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 41,4 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết và thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu của các khoản phải thu, cũng như khả năng thu hồi và giá trị dự phòng cần trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán đang được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không đánh giá được liệu có cần điều chỉnh các khoản mục này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

Tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 và 30 tháng 06 năm 2026, Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp - Công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận khoản góp vốn vào Công ty TNHH Năm sao Hà Nội trên khoản mục "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" với cùng giá trị là 45.112.913.628 đồng. Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp - Công ty con của Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư này để làm cơ sở trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (nếu có) theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá sự suy giảm của khoản đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

Tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 và ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Toàn bộ - Công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận các khoản chi phí phát sinh trong giai đoạn trước khi thực hiện tái sản xuất trên chỉ tiêu "Chi phí chờ phân bổ dài hạn" với cùng số tiền 58.527.901.394 đồng. Chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của việc ghi nhận, tập hợp và phân bổ các khoản chi phí này cũng như ảnh hưởng đến các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không.

Tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 và ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Toàn bộ - công ty con của Tổng Công ty đang treo lại chờ xử lý của nhà máy sắt xộp trên chỉ tiêu "Chi phí chờ phân bổ dài hạn" và "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" với cùng số tiền lần lượt là 454.018.381.289 đồng và 8.802.002.030 đồng. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán cần thiết và thích hợp để đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục chi phí chờ phân bổ dài hạn và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề nhân mạnh

Thuyết minh số V.5 trình bày thông tin liên quan đến việc ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn tại Tổng Công ty;

- Thuyết minh số V.12 trình bày thông tin về việc Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chưa hoàn tất các thủ tục gia hạn dự án "Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ", dự án cũng không phát sinh các hoạt động triển khai cũng như nghiệm thu;
- Thuyết minh số VII.3 và Thuyết minh số VII.4 trình bày thông tin về nợ tiềm tàng và tài sản tiềm tàng của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (là Công ty con của Tổng Công ty);
- Thuyết minh số VII.5 trình bày thông tin về việc Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con của Tổng Công ty chưa ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư tài chính Thái Bình Dương với giá trị 40 tỷ đồng do không có đủ cơ sở hồ sơ tài liệu từ các đối tác liên quan;
- Thuyết minh số VII.6 trình bày thông tin về việc:
 - Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy Động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam, do Tổng Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức thành công ty cổ phần.
 - Tổng Công ty chưa ghi nhận công nợ phải thu các cá nhân liên quan phải thi hành án và khoản lãi chậm trả tương ứng theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 157/2025/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội do chưa chắc chắn về khả năng thu hồi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo soát xét đề ngày 26 tháng 08 năm 2025. Công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đề ngày 26 tháng 03 năm 2026. Các báo cáo phát hành với kết luận ngoại trừ và ý kiến kiểm toán ngoại trừ, các vấn đề ngoại trừ này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 và đã được nêu tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ" của Báo cáo soát xét này.



Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.097.003.850.203	19.583.148.788.456
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	238.644.563.722	408.356.910.612
1. Tiền	111		180.394.563.722	242.624.784.585
2. Các khoản tương đương tiền	112		58.250.000.000	165.732.126.027
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	17.682.237.051.167	14.266.122.759.429
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		17.682.237.051.167	14.266.122.759.429
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.935.086.231.700	3.642.697.828.087
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.033.619.265.681	961.208.866.917
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	217.110.548.688	216.162.487.886
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	6.474.660.524.071	3.254.790.628.917
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.7	(800.252.118.134)	(799.524.018.841)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	137	V.6	9.948.011.394	10.059.863.208
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.091.522.399.255	1.129.108.221.344
1. Hàng tồn kho	141		1.399.330.652.127	1.545.892.760.595
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(307.808.252.872)	(416.784.539.251)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		149.513.604.359	136.863.068.984
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.11a	24.556.184.861	19.075.749.885
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		121.707.869.281	115.822.049.631
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13a	3.249.550.217	1.965.269.468
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.077.499.431.638	8.794.266.264.330
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.606.033.095	10.964.966.457
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	11.606.033.095	10.964.966.457
II. Tài sản cố định	220		1.226.003.498.381	1.286.342.069.556
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.149.673.270.166	1.210.642.736.697
- Nguyên giá	222		5.566.445.857.517	5.571.872.176.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.416.772.587.351)	(4.361.229.439.467)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	76.330.228.215	75.699.332.859
- Nguyên giá	228		129.926.312.285	128.108.312.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.596.084.070)	(52.408.979.426)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		87.931.979.021	86.377.737.175
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	87.931.979.021	86.377.737.175
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	4.100.864.634.626	6.762.180.698.007
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		4.033.950.660.170	6.697.266.723.551
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		66.313.796.758	66.313.796.758
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(1.499.822.302)	(1.499.822.302)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		2.100.000.000	100.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	270		651.093.286.515	648.400.793.135
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.11b	651.050.986.502	648.358.493.122
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		42.300.013	42.300.013
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		32.174.503.281.841	28.377.415.052.786

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.241.429.611.820	1.336.540.019.404
I. Nợ ngắn hạn	310		8.193.738.989.791	1.285.909.691.465
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	358.504.104.976	298.137.530.254
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15a	14.538.150.248	14.842.100.594
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		7.003.085.469.829	23.110.073.430
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13b	76.345.524.672	80.747.870.827
5. Phải trả người lao động	315		119.671.959.277	223.970.752.569
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16a	96.430.096.118	109.222.852.275
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319		3.525.814.069	4.785.040.136
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17a	189.270.860.953	178.474.178.577
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18	114.089.145.289	108.038.659.834
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		4.949.408.224	7.560.401.322
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		213.328.456.136	237.020.231.647
II. Nợ dài hạn	330		47.690.622.029	50.630.327.939
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.15b	377.377.744	377.377.744
2. Chi phí phải trả dài hạn	334	V.16b	50.000.000	-
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337		8.468.660.511	9.550.768.197
4. Phải trả dài hạn khác	338	V.17b	1.360.616.884	1.464.236.884
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		36.448.236.422	38.252.214.646
6. Dự phòng phải trả dài hạn	343		985.730.468	985.730.468
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	23.933.073.670.021	27.040.875.033.382
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.063.133.964	29.928.369.292
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(71.424.341.027)	(71.424.341.027)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		4.731.712.041	4.031.248.285
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.125.501.907	28.125.501.907
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.464.644.442.231	13.541.444.667.380
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		6.509.194.154.088	6.392.947.045.936
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		3.955.450.288.143	7.148.497.621.444
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		191.933.220.905	220.769.587.545
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.174.503.281.841	28.377.415.052.786


 Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Thắng
 Phụ trách kế toán


 Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Phê duyệt ngày 22 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.574.642.476.421	2.091.846.169.543
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.460.622.221	4.364.300.113
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	2.571.181.854.200	2.087.481.869.430
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.185.406.923.077	1.796.686.995.502
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		385.774.931.123	290.794.873.928
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	538.294.828.506	423.010.650.070
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	3.103.829.838	4.608.238.790
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		779.802.185	538.524.258
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	54.605.980.473	44.606.336.373
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	244.666.184.491	228.679.113.255
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27		3.521.013.230.326	3.069.469.580.495
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.142.706.995.153	3.505.381.416.075
13. Thu nhập khác	31	VI.7	10.923.701.421	6.827.416.399
14. Chi phí khác	32	VI.8	43.758.246.174	4.849.952.725
15. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(32.834.544.753)	1.977.463.674
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		4.109.872.450.400	3.507.358.879.749
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	126.046.666.848	98.222.836.701
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.803.978.224)	(1.013.994.076)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.985.629.761.776	3.410.150.037.124
20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		3.955.450.288.143	3.372.914.085.552
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		30.179.473.633	37.235.951.572
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.977	2.538


 Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu


 Nguyễn Minh Thắng
 Phụ trách kế toán


 Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Phê duyệt ngày 22 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	4.109.872.450.400	3.507.358.879.749
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	112.309.321.711	117.401.156.513
Các khoản dự phòng	03	(110.859.180.184)	29.674.622.288
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(125.753.897)	286.844.571
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(4.056.320.561.771)	(3.486.542.206.958)
Chi phí đi vay	06	779.802.185	538.524.258
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55.656.078.444	168.717.820.421
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(83.451.196.735)	(12.241.273.343)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	146.562.108.468	(10.711.717.027)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(51.436.990.782)	(106.964.943.533)
(Tăng)/Giảm chi phí chờ phân bổ	12	(8.172.928.356)	(22.513.250.789)
Chi phí đi vay đã trả	14	(779.802.185)	(363.834.785)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(127.096.992.864)	(92.915.624.764)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	266.236.597
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(118.457.012.771)	(95.927.318.663)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(187.176.736.781)	(172.653.905.886)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(56.795.988.629)	(45.149.940.389)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.662.320.600
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(12.678.295.606.028)	(15.328.359.024.097)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	9.297.293.580.822	12.165.452.174.782
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.464.913.010.024	3.287.720.685.382
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	27.114.996.189	83.326.216.278
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	49.429.692.001	47.999.330.651
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(43.379.206.546)	(39.824.179.258)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.612.294.078)	(1.648.502.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.561.808.623)	6.526.648.545
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(170.623.549.215)	(82.801.041.063)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	408.356.910.612	411.763.339.601
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	911.202.325	455.144.186
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	238.644.563.722	329.417.442.724

Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu

Nguyễn Minh Thắng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Phê duyệt ngày 22 tháng 08 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103866, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (nay là Sở tài chính thành phố Hà Nội) và đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 07 năm 2024. Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam CTCP hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công thương trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; và Quyết định số 5029/QĐ-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công thương về việc Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP là 13.288.000.000.000 VND, được chia thành 1.328.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán là VEA.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung, các thiết bị hạ, bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén, máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại và máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc sắt, đúc thép, đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đầu;
- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Khai thác quặng sắt, kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn vải; hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại
2	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Nghệ An	Nghệ An	Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
3	Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Nhà máy Ô tô VEAM	Thanh Hóa	Sản xuất, kinh doanh xe ô tô, máy kéo và các linh kiện thay thế
4	Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Nhà máy Đức	TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm kim loại đúc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin về các Công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

STT	Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực, bơm nước, dụng cụ khuôn mẫu giá lắp
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Thái Nguyên	51,00%	51,00%	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ
3	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Hà Nội	53,66%	53,66%	Vận tải hàng hóa đường bộ, sản xuất các sản phẩm cơ khí
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	Hà Nội	51,00%	51,00%	Vận chuyển khách, vận tải hàng hóa đường
5	Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (i)	Hà Nội	51,00%	51,99%	Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác
6	Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Thái Nguyên	55,00%	55,00%	Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng cho xe có động cơ
7	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất máy kéo, máy nông nghiệp
8	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Hà Nội, Bắc Ninh	100,00%	100,00%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Thái Nguyên	100,00%	100,00%	Sản xuất phụ tùng phục vụ các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ
10	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Đồng Nai	100,00%	100,00%	Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp
11	Viện Công nghệ	Hà Nội	100,00%	100,00%	Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ các lĩnh vực vật liệu, đúc, nhiệt luyện, cơ khí, tự động hóa
12	Veam Korea Corporation	Hàn Quốc	89,00%	89,00%	Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam
13	Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (ii)	Nghệ An	49,00%	59,93%	Sản xuất các cấu kiện kim loại.

Thông tin về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 như sau:

Công ty liên kết của Tổng Công ty:

STT	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần NAKYCO	TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Sản xuất, mua bán các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng
2	Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	An Giang	47,41%	47,41%	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

STT	Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
3	Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	Hà Nội	29,01%	29,01%	Xây dựng nhà ở và văn phòng làm việc; cung cấp dịch vụ công cộng cho khu đô thị, khu nhà ở và văn phòng
4	Công ty Honda Việt Nam	Phú Thọ	30,00%	30,00%	Sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe máy, ô tô để bán và xuất khẩu
5	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Phú Thọ	20,00%	20,00%	Lắp đặt và sản xuất các loại ô tô và phụ tùng ô tô và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa ô tô tại Việt Nam
6	Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (iii)	Hải Phòng	19,46%	21,23%	Vận tải hành khách, bán buôn kim loại và quặng kim loại
7	Công ty TNHH Ford Việt Nam (iv)	Hải Dương	25,00%	25,00%	Lắp đặt và sản xuất các xe và phụ tùng ô tô; nhập khẩu, xuất khẩu các loại xe ô tô
8	Công ty Cổ phần Golden City KKV (v)	Nghệ An	14,30%	26,00%	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng và đi thuê

- (i) Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 51,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 0,99%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là 51,99%.
- (ii) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua công ty cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 55,00% quyền biểu quyết) là 10,93%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là 59,93%.
- (iii) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 51,99% quyền biểu quyết) là 1,77%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là 21,23%.
- (iv) Công ty TNHH Ford Việt Nam là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 25,00%. Theo đó tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Ford Việt Nam là 25,00%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

- (v) Công ty Cổ phần Golden City - CKV là Công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 59,33% quyền biểu quyết) là 26,00%. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Golden City - CKV là 26,00%.

Theo hợp đồng nguyên tắc đầu tư số 26/2015/HĐNT-HT/GDC-CKV ngày 12 tháng 8 năm 2015, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Công ty Cổ phần Golden City góp vốn với mục đích hợp tác đầu tư và xây dựng dự án trên diện tích 40.789,5 m² tại Số 7, Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm hợp tác đầu tư, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là đơn vị quản lý và sử dụng lô đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 189519 được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 9 năm 2008. Tiếp theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Công ty Cổ phần Golden City ký tiếp hợp đồng liên doanh số 27/2015/HĐNT-HT/GDC-CKV ngày 12 tháng 8 năm 2015 về việc thành lập công ty liên doanh là Công ty Cổ phần Golden City - CKV, theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh thực hiện góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 5.200.000.000 đồng, tương đương với 26,00%. Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh đã vay Công ty Cổ phần Golden City số tiền tương ứng theo hợp đồng vay số 10/2016/HĐVT.GOLDEN, theo đó, toàn bộ cổ tức và lợi ích của Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh tại Công ty Cổ phần Golden City - CKV sẽ thuộc về Công ty Cổ phần Golden City và sau khi kết thúc thời hạn vay, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh sẽ chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần này cho Công ty Cổ phần Golden City với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu để đối trừ với khoản tiền vay trên.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

VEAM Korea Corporation - công ty con của Tổng Công ty sử dụng Hàn Quốc Won (KRW) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính theo luật định tại Việt Nam, VEAM Korea Corporation đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập bằng Hàn Quốc Won (KRW) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2026);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của VEAM Korea Corporation được lập bằng Hàn Quốc Won (KRW) sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC ("Thông tư 43") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 43 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Tổng Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư 43 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có thể phải loại bỏ một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 và Thông tư 43 có quy định cụ thể khác (nếu có).

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm mệnh giá trừ (-) số tiền lãi nhận trước cho nhiều kỳ cộng (+) số phụ trội hoặc trừ (-) chiết khấu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty có khả năng không thu hồi được.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Tổng Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm ngày 23/01/2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập báo cáo tài chính, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Các khoản hỗ trợ vốn***

Các khoản hỗ trợ vốn là các khoản hỗ trợ cho các công ty con và công ty liên doanh liên kết theo các hợp đồng có lãi suất từ 0%/năm đến 5%/năm, được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản hỗ trợ vốn và phải thu lãi hỗ trợ vốn quá hạn của Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc căn cứ vào mức tổn thất có thể xảy ra theo đánh giá của Tổng Công ty. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm tài chính. Khi các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này (năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	04 - 14

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Quyền sử dụng đất: tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, trong đó:

Địa điểm	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất tại lô D, Khu D1, Tây Hồ, Hà Nội	50 năm
Quyền sử dụng đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh	Đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất tại Khách sạn VEAM Cửa Lò	Lâu dài
Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ	Lâu dài
Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Lâu dài
Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	47 năm
Quyền sử dụng đất tại khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	13,5 năm
Quyền sử dụng đất của Viện Công nghệ	Lâu dài
Quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Diesel Sông Công	Lâu dài

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm bằng sáng chế, phần mềm máy tính và bản quyền Website của Tổng Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành, bao gồm:

Giá trị thương hiệu

Giá trị thương hiệu được ghi nhận trên biên bản xác định doanh nghiệp của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng

Tiền thuê đất và thuê văn phòng, chi phí chờ phân bổ hạ tầng KCN: thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí nhà máy sắt xộp

Chi phí nhà máy sắt xộp: là chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xộp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được phân bổ khi nhà máy có doanh thu hoạt động tương ứng.

Chi phí cơ sở hạ tầng bãi xe ô tô

Chi phí cơ sở hạ tầng bãi xe ô tô: là chi phí liên quan đến tiền thuê cơ sở hạ tầng phục vụ bãi đỗ xe ô tô đã trả trước cho nhiều kỳ. Chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo trì tòa nhà và các chi phí nhỏ khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản chi phí chờ phân bổ của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức

Phải trả cổ tức phản ánh số cổ tức phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Tổng Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí công trình xây dựng, chi phí sản xuất kinh doanh khác...được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vốn chủ sở hữu**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê lại đất nhận trước.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm/kỳ báo cáo nhưng đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Tổng Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong kỳ báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ/năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	4.583.039.944	7.477.637.626
Tiền gửi không kỳ hạn	175.811.523.778	235.147.146.959
Các khoản tương đương tiền (*)	58.250.000.000	165.732.126.027
Cộng	238.644.563.722	408.356.910.612

(*) Là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng, lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,75%/năm.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CTCP

Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	17.682.237.051.167	17.682.237.051.167	14.266.122.759.429	14.266.122.759.429
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	2.758.681.567.566	2.758.681.567.566	1.077.181.567.566	1.077.181.567.566
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.168.366.493.151	7.168.366.493.151	1.493.303.000.000	1.493.303.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.543.245.090.226	3.543.245.090.226	8.230.045.090.226	8.230.045.090.226
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.289.000.000.000	3.289.000.000.000	2.585.900.000.000	2.585.900.000.000
Các ngân hàng khác	377.718.532.055	377.718.532.055	371.580.000.000	371.580.000.000
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	545.225.368.169	545.225.368.169	508.113.101.637	508.113.101.637
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	2.100.000.000	2.100.000.000	100.000.000	100.000.000
Các ngân hàng TMCP khác	2.100.000.000	2.100.000.000	100.000.000	100.000.000
Cộng	17.684.337.051.167	17.684.337.051.167	14.266.222.759.429	14.266.222.759.429

- (i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất từ 5,2%/năm đến 7,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp VCSH	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp VCSH
	VND	VND	VND	VND
b. Đầu tư vào công ty liên kết (ii)				
Công ty CP Nakycos	10.550.698.651	-	10.550.698.651	-
Công ty CP Cơ khí An Giang	23.823.075.776	74.513.771.144	23.823.075.776	66.190.520.113
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ (iii)	9.467.051.066	9.300.166.598	9.467.051.066	9.501.890.598
Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	1.960.260.819.204	359.311.428.087	5.186.770.853.777
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	893.903.014.309	287.776.054.812	573.095.683.091
Công ty CP Matexim Hải Phòng	19.363.809.652	15.806.637.077	19.363.809.652	15.711.170.950
Công ty TNHH Ford Việt Nam	374.904.000.000	1.074.966.251.838	374.904.000.000	840.796.605.022
Công ty Cổ phần Golden City - CKV	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Cộng	1.090.396.118.044	4.033.950.660.170	1.090.396.118.044	6.697.266.723.551
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
c. Đầu tư vào đơn vị khác (iv)				
Công ty TNHH Năm sao Hà Nội	45.112.913.628	-	45.112.913.628	-
Công ty CP Kumba	11.001.060.828	-	11.001.060.828	-
Công ty TNHH Mekong Auto	-	-	-	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	5.050.000.000	(1.350.000.000)	5.050.000.000	(1.350.000.000)
Công ty CP Đầu tư Matexim Phát Linh	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty CP Du lịch Thác Đa	149.822.302	(149.822.302)	149.822.302	(149.822.302)
Cộng	66.313.796.758	(1.499.822.302)	66.313.796.758	(1.499.822.302)

- (ii) Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty dựa trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của các Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của của khoản đầu tư góp vốn vào các công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán;

- (iii) Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ bằng quyền sử dụng đất tại Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022083. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 5 tầng văn phòng và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ;
- (iv) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty TNHH Năm sao Hà Nội, Công ty Cổ phần Kumba, Công ty TNHH Mekong Auto, Công ty CP Đầu tư Matexim Phát Linh và Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Công ty Cổ phần đầu tư Minh Quang	18.886.613.400	(18.886.613.400)	18.886.613.400	(18.886.613.400)
Công ty Cổ phần Thép Minh Quang	78.641.471.296	(78.641.471.296)	78.641.471.296	(78.641.471.296)
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư tương lai	76.135.268.600	(76.135.268.600)	76.135.268.600	(76.135.268.600)
Công ty Honda Việt Nam	97.855.883.703	-	112.817.276.584	-
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng và các chi nhánh	93.233.179.437	(93.233.179.437)	93.233.179.437	(93.233.179.437)
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	11.557.337.899	-	8.538.699.421	-
Công ty Cổ phần Nakycos	2.173.940.556	(2.173.940.556)	2.203.940.556	(2.203.940.556)
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	2.172.222.000	(2.172.222.000)	2.172.222.000	(2.172.222.000)
Các đối tượng khác	652.963.348.790	(117.989.816.037)	568.580.195.623	(116.838.673.297)
Cộng	1.033.619.265.681	(389.232.511.326)	961.208.866.917	(388.111.368.586)
Trong đó: Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)	206.992.563.595	(97.579.341.993)	218.965.317.998	(97.609.341.993)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (i)	169.609.728.269	(169.609.728.269)	169.609.728.269	(169.609.728.269)
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture (ii)	1.400.000.000	(1.400.000.000)	1.400.000.000	(1.400.000.000)
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (Chi nhánh tại Quảng Ninh)	6.500.000.000	(6.500.000.000)	6.500.000.000	(6.500.000.000)
Các đối tượng khác	39.600.820.419	(258.858.254)	38.652.759.617	(258.858.254)
Cộng	217.110.548.688	(177.768.586.523)	216.162.487.886	(177.768.586.523)
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)	176.179.728.269	(176.179.728.269)	176.179.728.269	(176.179.728.269)

(i) Bao gồm khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo hợp đồng số 16/2014/VEAM-Mekong Auto ký ngày 22/10/2014 số tiền 134.589.036.240 VND và khoản ứng trước xe mẫu số tiền 436.812.990 VND. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo các chứng từ nhập khẩu để Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto lắp ráp và bán cho Tổng Công ty 1.500 sản phẩm xe tải nhẹ nhãn hiệu Changan Model SC1022DB4N4. Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và nhận được 239 xe lắp đặt hoàn chỉnh; khoản công nợ còn lại tương ứng với số linh kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đã nhập khẩu nhưng chưa bàn giao xe cho Tổng Công ty. Ngày 29 tháng 3 năm 2023, Tổng Công ty đã nộp Đơn khởi kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và các đối tượng khác có liên quan và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2023 đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội. Công ty cũng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Theo đơn khởi kiện, Tổng Công ty yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng 16, Đơn hàng 15 vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu với kiến nghị MAC phải hoàn trả Tổng Công ty khoản tiền tạm ứng của Đơn hàng 15 là 160.097.982.240 VND, chấp nhận việc Tổng Công ty hoàn trả cho MAC số tiền 32.963.700.000 VND tương ứng 239 xe thành phẩm Tổng Công ty đã nhận bàn giao, như vậy sau khi khấu trừ, MAC còn phải hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền 127.134.282.240 VND. Đồng thời Tổng Công ty đã đề nghị Tòa án thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 1261 bộ linh kiện xe Changan.

Liên quan đến Hợp đồng 16 và Đơn hàng 15, Tổng Công ty cũng đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh 8 tháng 3 Hà Nội ("Sacombank"), yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng cầm cố số 0118102017/HĐCC (VEAM cầm cố giấy tờ có giá với tổng giá trị là 150.000.000.000 VND, bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 020035491791/HĐTG-SACOMBANK-VEAM; và Hợp đồng tiền gửi số 020043150007/HĐTG-SACOMBANK-VEAM để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đối với Hợp đồng mua bán số 2017CA0220HB mà Chi nhánh này ký với đối tác Changan International Corporation để mua 1.500 bộ linh kiện để lắp ráp xe ô tô cho Đơn hàng 15 nêu trên với thỏa thuận thanh toán bằng thư tín dụng không hủy ngang) và Hợp đồng Quản lý tài khoản chuyên dụng vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, phiên xét xử đầu tiên ngày 22 tháng 7 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

(ii) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 9.000.000.000 VND. Năm 2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội chuyển cho Tổng Công ty số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 7.300.000.000 VND. Trong năm 2025, khoản trả trước Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 300.000.000 VND.

5. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Tạm ứng	2.571.349.240	-	1.897.878.435	(560.000.000)
Ký cược, ký quỹ	2.722.257.512	-	2.962.777.252	-
Phải thu về cổ phần hóa (i)	10.164.296.365	-	10.164.296.365	-
Thuế nhà thầu của hợp đồng VEAM-ZIBO (cabin) (ii)	957.390.582	-	957.390.582	-
Phải thu về tiền lãi hợp đồng và phạt vi phạm hợp đồng (iii)	94.188.312.415	(92.877.289.554)	94.188.312.415	(92.877.289.554)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	6.185.947.243.207	(2.069.159.500)	2.967.951.221.710	(2.069.159.500)
Phải thu về hỗ trợ vốn	83.004.324.210	(83.004.324.210)	83.504.324.210	(83.504.324.210)
Phải thu về lãi hỗ trợ vốn (iv)	35.729.117.135	(35.623.812.998)	35.693.683.087	(35.576.856.445)
Phải thu khác	59.376.233.405	(19.676.434.023)	57.470.744.861	(19.056.434.023)
Cộng	6.474.660.524.071	(233.251.020.285)	3.254.790.628.917	(233.644.063.732)
b. Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	245.700.000	-	45.700.000	-
Phải thu khác	11.360.333.095	-	10.919.266.457	-
Cộng	11.606.033.095	-	10.964.966.457	-
Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan	6.305.740.864.874	(121.674.677.030)	3.088.209.409.329	(122.127.720.477)

(Chi tiết tại Thuyết minh VII.1)

- (i) Các khoản phải thu về cổ phần hóa phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (ii) Khoản phải thu tiền thuế nhà thầu đã nộp 957.390.582 VND, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tổng Công ty không phải nộp số tiền thuế này, do đó Tổng Công ty sẽ được cục thi hành án thu hồi lại số tiền từ cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

- (iii) Các khoản phải thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền lãi quá hạn đối với 19 đối tượng nợ tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM - Công ty con của Tổng Công ty (viết tắt là "Vetranco").
- (iv) Trong những năm trước năm 2014, Tổng Công ty đã ký kết các hợp đồng hỗ trợ vốn với các công ty con và công ty liên doanh liên kết, lãi hỗ trợ vốn đã được ghi nhận đến ngày 31/12/2014 (bao gồm khoản lãi hỗ trợ vốn ghi nhận bổ sung trong năm 2024 với số tiền 9.216.513.359 VND theo Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07/7/2023 của Thanh tra Chính phủ). Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty mẹ đã dừng ghi nhận lãi hỗ trợ vốn từ các công ty này. Lãi hỗ trợ vốn phát sinh 6 tháng đầu năm 2026 theo các điều khoản của hợp đồng vẫn được Tổng Công ty theo dõi chi tiết theo quy định. Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn vào doanh thu tài chính do theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 3 điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC cho giai đoạn từ 01/01/2015 đến 31/12/2025 và theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3, Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính Thông tư số 99/2025/TT-BTC cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 thì khoản lãi hỗ trợ vốn này chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu tài chính.

6. TÀI SẢN THIẾU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Hàng tồn kho (i)	9.350.729.445	9.462.581.259
Tài sản cố định (i)	597.281.949	597.281.949
Cộng	9.948.011.394	10.059.863.208

(i) Tài sản thiếu chờ xử lý phát hiện trong quá trình kiểm kê:

- Biên bản kiểm kê ngày 23 tháng 01 năm 2017 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần) và Biên bản kiểm kê tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020. Hàng tồn kho và tài sản cố định tại Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty kiểm kê phát hiện thiếu với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 3.882.945.708 đồng và 597.281.949 đồng.
- Hàng tồn kho phát hiện thiếu trong quá trình kiểm kê theo Biên bản kiểm kê ngày 31 tháng 12 năm 2019, ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07 tháng 02 năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02 tháng 3 năm 2021 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng kiểm kê, Biên bản họp về Công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2022; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Nhà máy ô tô Veam; Báo cáo kết quả kiểm kê năm 2023 số 07A/BC-HĐKK ngày 23 tháng 01 năm 2024, Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2023 số 02A/BB-VM ngày 23 tháng 01 năm 2024 tại Nhà máy ô tô Veam với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 4.296.609.308 đồng.
- Giá trị Hàng tồn kho chờ xử lý tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 1.171.174.429 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

7. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu khách hàng	433.858.555.194	44.626.043.868	(389.232.511.326)	433.203.103.205	45.091.734.619	(388.111.368.586)
Công ty CP Matexim Hải Phòng và Chi nhánh	93.233.179.437	-	(93.233.179.437)	93.233.179.437	-	(93.233.179.437)
Công ty CP Thép Minh Quang	78.641.471.296	-	(78.641.471.296)	78.641.471.296	-	(78.641.471.296)
Công ty CP Thương mại và Đầu tư tương lai	76.135.268.600	-	(76.135.268.600)	76.135.268.600	-	(76.135.268.600)
Các đối tượng khác	185.848.635.861	44.626.043.868	(141.222.591.993)	185.193.183.872	45.091.734.619	(140.101.449.253)
b. Trả trước cho người bán ngắn hạn	177.768.586.523	-	(177.768.586.523)	177.768.586.523	-	(177.768.586.523)
Công ty TNHH Mekong Auto	169.609.728.269	-	(169.609.728.269)	169.609.728.269	-	(169.609.728.269)
Công ty CP Matexim Hải Phòng và Chi nhánh	6.500.000.000	-	(6.500.000.000)	6.500.000.000	-	(6.500.000.000)
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	1.400.000.000	-	(1.400.000.000)	1.400.000.000	-	(1.400.000.000)
Công ty Cổ phần Nakycos	70.000.000	-	(70.000.000)	70.000.000	-	(70.000.000)
Các đối tượng khác	188.858.254	-	(188.858.254)	188.858.254	-	(188.858.254)
c. Phải thu khác ngắn hạn	233.536.324.422	285.304.137	(233.251.020.285)	234.000.890.374	356.826.642	(233.644.063.732)
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	1.868.256.000	-	(1.868.256.000)	1.868.256.000	-	(1.868.256.000)
Công ty Cổ phần Nakycos	200.903.500	-	(200.903.500)	200.903.500	-	(200.903.500)
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	977.380.322	-	(977.380.322)	977.380.322	-	(977.380.322)
Thuế TNCN Chương trình "Khách hàng thân	3.594.830.000	-	(3.594.830.000)	3.594.830.000	-	(3.594.830.000)
Các khoản hỗ trợ vốn và lãi hỗ trợ vốn	119.198.007.297	144.967.396	(119.053.039.901)	119.198.007.297	144.967.396	(119.053.039.901)
Phải thu về lãi hợp đồng theo bản án	92.877.289.554	-	(92.877.289.554)	92.877.289.554	-	(92.877.289.554)
Các đối tượng khác	14.819.657.749	140.336.741	(14.679.321.008)	15.284.223.701	211.859.246	(15.072.364.455)
Cộng	845.163.466.139	44.911.348.005	(800.252.118.134)	844.972.580.102	45.448.561.261	(799.524.018.841)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng (i) VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	12.370.911.530	-	10.518.989.230	-
Nguyên liệu, vật liệu	349.807.824.764	(37.439.662.928)	301.367.097.045	(37.606.984.409)
Công cụ, dụng cụ	33.242.723.923	(4.004.270.743)	35.095.933.532	(4.004.270.743)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	246.907.789.871	(2.700.734.734)	233.532.819.005	(2.700.734.734)
Sản phẩm	558.900.254.604	(217.559.386.944)	760.671.636.469	(316.164.023.727)
Hàng hóa	163.119.586.478	(43.511.218.616)	177.523.386.518	(52.477.795.306)
Hàng gửi bán	34.981.560.957	(2.592.978.907)	27.182.898.796	(3.830.730.332)
Cộng	1.399.330.652.127	(307.808.252.872)	1.545.892.760.595	(416.784.539.251)

(*) Bao gồm khoản chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến Nhà máy sắt thép đã ngừng hoạt động từ nhiều năm phát sinh tại Chi nhánh Matexim Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con Tổng Công ty với số tiền là 8.802.002.030 đồng.

(i) Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 bao gồm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trên cơ sở giá trị ước tính tài sản tại Chứng thư thẩm định giá số 093/2025/1325/CT-VALUINCO/BAN2 ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Báo cáo kết quả thẩm định số 093/2025/1325/BC-VALUINCO/BAN2 do Công ty Cổ phần Định giá và Tư vấn Đầu tư Quốc tế phát hành tại Văn phòng Công ty mẹ là 7.883.175.070 đồng.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với mặt hàng là linh kiện tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM trích lập trên cơ sở tham khảo giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá ngày 17 tháng 01 năm 2024 là 76.724.442.759 đồng.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với mặt hàng là xe ô tô tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM được trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại hồ sơ phê duyệt giá đấu thầu lần 10 ngày 04 tháng 11 năm 2025 là 200.359.765.612 đồng.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Chi nhánh Nhà máy Đức căn cứ cơ sở đơn giá bán phế liệu là 734.056.140 đồng.
- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại các công ty con (bao gồm: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp; Công ty CP Cơ khí Phổ Yên; Công ty CP Cơ khí Vĩnh; Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ và Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam) là 22.106.813.291 đồng.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CTCP

Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	1.749.688.976.432	3.503.645.052.673	254.666.108.344	33.108.583.119	30.763.455.596	5.571.872.176.164
- Mua trong kỳ	221.592.592	42.194.475.510	7.381.763.738	499.781.112	-	50.297.612.952
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.832.995.347	-	-	-	1.832.995.347
- Tăng khác	-	-	56.740.297	42.126.335	-	98.866.632
- Thanh lý, nhượng bán	(56.648.993.578)	-	-	-	-	(56.648.993.578)
- Giảm khác	-	-	-	-	(1.006.800.000)	(1.006.800.000)
Số dư cuối kỳ	1.693.261.575.446	3.547.672.523.530	262.104.612.379	33.650.490.566	29.756.655.596	5.566.445.857.517
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	1.200.698.945.521	2.871.556.185.333	232.063.894.507	26.205.722.292	30.704.691.814	4.361.229.439.467
- Khấu hao trong kỳ	29.497.275.710	75.772.435.624	5.081.012.753	766.855.706	4.637.274	111.122.217.067
- Tăng khác	-	-	56.738.757	42.115.555	-	98.854.312
- Thanh lý, nhượng bán	(54.418.497.637)	-	-	-	-	(54.418.497.637)
- Giảm khác	-	-	(252.625.858)	-	(1.006.800.000)	(1.259.425.858)
Số dư cuối kỳ	1.175.777.723.594	2.947.328.620.957	236.949.020.159	27.014.693.553	29.702.529.088	4.416.772.587.351
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	548.990.030.911	632.088.867.340	22.602.213.837	6.902.860.827	58.763.782	1.210.642.736.697
Tại ngày cuối kỳ	517.483.851.852	600.343.902.573	25.155.592.220	6.635.797.013	54.126.508	1.149.673.270.166

Các Công ty con của Tổng Công ty sử dụng tài sản cố định được hình thành từ vốn vay và một số tài sản cố định khác để thế chấp cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số V.18 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CTCP

Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bảng sáng chế	Quyền sử dụng đất, phí cơ sở hạ tầng KCN	Phần mềm/ Software	Phí bản quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	1.795.000.000	88.405.060.703	23.967.905.257	13.855.846.325	84.500.000	128.108.312.285
- Mua trong kỳ	-	-	1.818.000.000	-	-	1.818.000.000
Số dư cuối kỳ	<u>1.795.000.000</u>	<u>88.405.060.703</u>	<u>25.785.905.257</u>	<u>13.855.846.325</u>	<u>84.500.000</u>	<u>129.926.312.285</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu kỳ	1.795.000.000	21.972.576.116	14.848.131.977	13.708.771.333	84.500.000	52.408.979.426
- Khấu hao trong kỳ	-	340.364.742	830.089.902	16.650.000	-	1.187.104.644
Số dư cuối kỳ	<u>1.795.000.000</u>	<u>22.312.940.858</u>	<u>15.678.221.879</u>	<u>13.725.421.333</u>	<u>84.500.000</u>	<u>53.596.084.070</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	-	66.432.484.587	9.119.773.280	147.074.992	-	75.699.332.859
Tại ngày cuối kỳ	-	<u>66.092.119.845</u>	<u>10.107.683.378</u>	<u>130.424.992</u>	-	<u>76.330.228.215</u>

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng lô đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 10.262.436.326 đồng đang trong quá trình làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	17.578.444.783	13.178.649.419
Các khoản bảo hiểm, lệ phí	723.804.385	461.685.544
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	6.253.935.693	5.435.414.922
Cộng	24.556.184.861	19.075.749.885
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất, văn phòng (i)	19.905.230.090	20.822.250.152
Giá trị thương hiệu (ii)	1.795.962.303	3.340.879.623
Công cụ, dụng cụ, vận chuyển chờ phân bổ	54.936.251.612	52.165.078.901
Chi phí nhà máy sắt xộp (iii)	512.546.282.683	512.546.282.683
Cơ sở hạ tầng bãi xe ô tô	3.561.694.545	3.625.030.727
Chi phí chờ phân bổ hạ tầng KCN Phú Nghĩa	28.492.716.367	28.952.627.929
Chi phí khác	29.812.848.902	26.906.343.107
Cộng	651.050.986.502	648.358.493.122

(i) Tiền thuê đất trả trước bao gồm:

- Tiền thuê đất trả trước tại Văn phòng Tổng Công ty: tiền thuê đất tại văn phòng số 90 - 92 Trần Bình Trọng - Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 15/04/2028 và tiền thuê đất trả trước theo Hợp đồng thuê lại đất số 30/HĐTĐ.05 ngày 28 tháng 3 năm 2005 giữa Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận và Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Khoản mục này đã được điều chuyển từ Công ty TNHH MTV Đức máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam và được Chi nhánh ghi nhận theo Biên bản bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư ngày 20 tháng 09 năm 2012 giữa Tổng Công ty và Chi nhánh.
- Tiền thuê đất trả trước tại các công ty con của Tổng Công ty (bao gồm: Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên và Viện Công nghệ).

(ii) Thể hiện giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp và được phân bổ trong 10 năm.

(iii) Là khoản chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xộp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con Tổng Công ty. Trong đó: chi phí chờ phân bổ dài hạn của Nhà máy sắt xộp là 454.018.381.289 đồng (tại 01/01/2026 là 454.018.381.289 đồng) và Chi nhánh Matexim Bắc Kạn là 58.527.901.394 đồng (tại 01/01/2026 là 58.527.901.394 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung (i)	53.507.597.654	53.507.597.654
Chi phí xây dựng văn phòng, nhà xưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (ii)	14.709.400.384	11.936.576.793
Dự án di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	10.288.550.496	10.288.550.496
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	9.426.430.487	10.645.012.232
Cộng	87.931.979.021	86.377.737.175

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung thể hiện phí bản quyền chuyển giao công nghệ theo Hợp đồng số 02/VEAM-ISEKI/2016 ký ngày 05 tháng 7 năm 2016 với ISEKI & CO., LTD với số tiền là 56.529.995.370 đồng cho Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung tại Bim Sơn. Tổng Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo Công văn số 24/GCN-BKHCN tại ngày 02 tháng 8 năm 2016. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT ngày 26/06/2020 của Hội đồng quản trị đã quyết nghị giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hợp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng Công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 48.943.720.130 đồng, VEAM được hoàn lại số tiền thuế nhà thầu đã nộp là 7.586.276.240 đồng. Các cá nhân có liên quan đã và đang thực hiện bồi thường cho Tổng Công ty. Khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án "Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung" được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan bồi thường khoảng 3 tỷ đồng.

- (ii) Bao gồm chi phí lương, khảo sát thiết kế và các khoản chi phí khác chưa được quyết toán của Dự án Di chuyển và xây mới Công ty (Giai đoạn II). Một số hạng mục của dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo ghi nhận tạm tăng Tài sản cố định từ năm 2003 - 2010.

- (iii) Dự án được phê duyệt chủ trương thực hiện theo Nghị quyết số 23/NQ-VEAM/HĐTV ngày 31/07/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

Theo Quyết định số 141/QĐ-VEAM/HĐTV ngày 02/11/2016:

- Tên dự án: Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ
- Công suất: 28.000 máy kéo 2 bánh/năm
- Tổng mức đầu tư: 432.146.684.000 đồng
- Thời gian thực hiện: Từ quý IV/2016 đến quý I/2018

Theo Quyết định số 51/QĐ-HĐQT ngày 12/10/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án "Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ" điều chỉnh thời gian thực hiện dự án từ: "Từ quý IV/2016 đến quý I/2018" thành "Từ quý IV/2016 đến quý I/2023" và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 01 ngày 04/12/2020 về việc sửa đổi gia hạn thời gian đầu tư. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, đã quá thời hạn gia hạn nhưng Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chưa hoàn tất các thủ tục gia hạn dự án, dự án cũng không phát sinh các hoạt động triển khai cũng như nghiệm thu.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	212.979.659	-	-	212.979.659
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	259.376.592	259.376.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.618.015	800.000.000	665.124.612	13.742.627
Thuế thu nhập cá nhân	441.020.532	960.758.060	3.049.930.392	2.530.192.864
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.162.651.262	3.646.171.075	2.716.778.288	233.258.475
Cộng	1.965.269.468	5.406.929.135	6.691.209.884	3.249.550.217
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	9.644.266.056	31.863.344.775	38.084.844.162	3.422.766.669
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	23.460.630.475	23.460.630.475	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	43.973.184	21.461.592	22.511.592
Thuế xuất nhập khẩu	-	12.849.872.786	12.849.872.786	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.949.231.780	125.246.666.848	126.431.868.252	57.764.030.376
Thuế thu nhập cá nhân	3.632.141.634	26.699.054.980	27.861.658.894	2.469.537.720
Thuế tài nguyên	8.928.600	49.876.480	48.146.880	10.658.200
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	783.737.094	13.651.672.643	9.880.552.967	4.554.856.770
Các loại thuế khác	36.996.076	193.320.057	228.316.133	2.000.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.692.569.587	1.874.041.003	1.467.447.245	8.099.163.345
Cộng	80.747.870.827	235.932.453.231	240.334.799.386	76.345.524.672

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	25.890.984.611	31.051.816.761
Công ty TNHH Cường Đại	1.560.599.919	2.169.699.544
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị công nghiệp	10.869.612.347	3.117.695.086
Các đối tượng khác	320.182.908.099	261.798.318.863
Cộng	358.504.104.976	298.137.530.254
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan	86.875.500	927.561.350
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1)</i>		

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Ô tô Huan Tao	1.464.331.174	1.464.331.174
Các đối tượng khác	13.073.819.074	13.377.769.420
Cộng	14.538.150.248	14.842.100.594
b. Dài hạn		
Các đối tượng khác	377.377.744	377.377.744
Cộng	377.377.744	377.377.744

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, kho bãi (*)	9.785.496.579	10.621.349.105
Chi phí lãi vay	74.596.172.783	69.990.740.965
Trích trước các chi phí khác	12.048.426.756	28.610.762.205
Cộng	96.430.096.118	109.222.852.275
b. Dài hạn		
Trích trước các chi phí khác	50.000.000	-
Cộng	50.000.000	-

- (*) Khoản chi phí phải trả liên quan đến Hợp đồng dịch vụ vận chuyển ô tô tải số 20181230269/TCGc-VM ngày 21/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG và Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Nhà máy đã gửi các Văn bản số 11CV-NM ngày 12/04/2021; số 193/VM-KTDV-PT ngày 31/05/2021; 77A/CV-VM ngày 26/04/2022 đến Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG về việc hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo này, Nhà máy vẫn chưa nhận được phản hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ xử lý (i)	19.799.640.922	19.873.384.804
Kinh phí công đoàn	3.404.926.664	7.984.335.240
Các khoản bảo hiểm	851.947.467	25.953.942
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	27.846.702.136	29.156.425.440
Công ty Cổ phần Quan hệ quốc tế đầu tư sản xuất (ii)	88.988.000.000	88.988.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	48.379.643.764	32.446.079.151
Cộng	189.270.860.953	178.474.178.577
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.360.616.884	1.464.236.884
Cộng	1.360.616.884	1.464.236.884

- (i) Tài sản thừa chờ xử lý là hàng tồn kho thừa chưa rõ nguyên nhân phát hiện trong quá trình kiểm kê tại Nhà máy ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty theo Biên bản kiểm kê ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02 tháng 3 năm 2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2022; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2022 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Nhà máy ô tô VEAM.

- (ii) Thể hiện khoản phải trả Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất liên quan đến việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án di dời Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp - Công ty con của Tổng Công ty đến địa điểm mới và đầu tư xây dựng tổ hợp văn phòng, chung cư và trung tâm thương mại tại khu đất số 4 Chu Văn An, Hà Đông, Hà Nội theo Hợp đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 23/02/2010 và các phụ lục của Hợp đồng nguyên tắc.

Theo đó, Công ty được Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế đầu tư sản xuất thu xếp tổng số tiền để đầu tư dự án nhà máy mới là 300 tỷ đồng, trong đó bao gồm 50% số tiền nộp ngân sách Nhà nước cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất được Nhà nước hoàn lại theo quy định của pháp luật và còn được thu xếp tối thiểu 50 tỷ đồng để góp vốn liên doanh thực hiện dự án. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế đầu tư sản xuất sẽ chuyển tiền đặt cọc cho Công ty là 30 tỷ đồng. Hai bên chưa ký kết phụ lục hợp đồng quy định về tiến độ giải ngân theo hợp đồng nguyên tắc trên.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CTCP

Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

		Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
		Giá trị		Tăng		Giảm	
		VND		VND		VND	
Vay ngân hàng		95.547.294.168		35.729.692.001		37.359.692.001	97.177.294.168
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Tây Hồ		26.735.205.700		-		300.000.000	27.035.205.700
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long		4.154.902.226		-		1.000.000.000	5.154.902.226
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Bắc Cạn - Thái Nguyên	(i)	62.887.186.242		-		300.000.000	63.187.186.242
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto		1.770.000.000		-		30.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây		-		1.231.146.419		1.231.146.419	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên		-		23.397.994.351		23.397.994.351	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Thái Nguyên		-		11.100.551.231		11.100.551.231	-
Vay các đối tượng khác		18.541.851.121		13.700.000.000		6.019.514.545	10.861.365.666
Công ty cổ phần Golden City	(ii)	5.200.000.000		-		-	5.200.000.000
Các đối tượng khác ở Công ty Cổ phần Vật tư & Thiết bị toàn bộ		13.341.851.121		13.700.000.000		6.019.514.545	5.661.365.666
Cộng		114.089.145.289		49.429.692.001		43.379.206.546	108.038.659.834
Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn là bên liên quan		1.770.000.000					1.800.000.000

(Chi tiết tại thuyết minh VII.1)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay ngắn hạn tại các Công ty con để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc để thanh toán tiền hàng theo các hợp đồng hạn mức. Các khoản vay dài hạn tại các Công ty con để mua sắm tài sản cố định hoặc thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

Các Công ty con của Tổng Công ty sử dụng chính tài sản cố định được hình thành từ vốn vay và một số tài sản cố định khác để thế chấp cho các khoản vay nêu trên.

- (i) Vay dài hạn đã quá hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 63/2010/HĐTDDT - NHPT ngày 29 tháng 10 năm 2010 giữa chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên và Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện xây dựng các hạng mục xây lắp, thiết bị của dự án Nhà máy luyện kim phi cốc. Số tiền vay theo hợp đồng là 335.348.000.000 VNĐ. Thời hạn vay là 9,5 năm (kể từ ngày rút vốn lần đầu); thời hạn ân hạn là 1,5 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành sau đầu tư (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay tín dụng đầu tư của Nhà nước, vốn huy động khác từ Tổng Công ty máy Động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam, vốn tự có của Chủ đầu tư) của dự án Nhà máy luyện kim phi cốc, công suất 100.000 tấn sắt xộp/năm.
- (ii) Trong đó bao gồm khoản vay tại Công ty Cổ phần Golden City với số tiền là 5,2 tỷ đồng như trình bày tại Thuyết minh số 1.5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – CTCP

Lô D, Khu D1, Phường Tây Hồ,
Thị trấn Thủ Đức, Quận Thủ Đức,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**19. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	13.288.000.000.000	29.928.369.292	(71.424.341.027)	4.360.314.104	28.125.501.907	12.749.121.724.961	220.438.156.845	26.248.549.726.082
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	7.148.497.621.444	70.933.177.087	7.219.430.798.531
Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi tiền tệ của Veam Korea Corporation sang VND	-	-	-	(329.065.819)	-	-	(40.671.056)	(369.736.875)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.189.656.704.000)	(35.829.192.627)	(6.225.485.896.627)
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	(63.849.273.832)	-	(63.849.273.832)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(106.070.963.044)	(34.712.981.775)	(140.783.944.819)
Giảm khác	-	-	-	-	-	3.402.261.851	(18.900.929)	3.383.360.922
Số dư đầu kỳ	13.288.000.000.000	29.928.369.292	(71.424.341.027)	4.031.248.285	28.125.501.907	13.541.444.667.380	220.769.587.545	27.040.875.033.382
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	3.955.450.288.143	30.179.473.633	3.985.629.761.776
Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi tiền tệ của Veam Korea Corporation sang VND	-	-	-	700.463.756	-	-	86.574.172	787.037.928
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(6.962.912.000.000)	-	(6.962.912.000.000)
Chia cổ tức tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	(33.675.690.477)	(33.675.690.477)
Trích lập các quỹ tại Công ty mẹ (i)	-	-	-	-	-	(40.242.470.810)	-	(40.242.470.810)
Trích lập các quỹ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(29.096.042.482)	(25.426.723.968)	(54.522.766.450)
Giảm khác	-	(2.865.235.328)	-	-	-	-	-	(2.865.235.328)
Số dư cuối kỳ	13.288.000.000.000	27.063.133.964	(71.424.341.027)	4.731.712.041	28.125.501.907	10.464.644.442.231	191.933.220.905	23.933.073.670.021

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã thông qua Tờ trình số 411/TTtr-HĐQT ngày 12/6/2026 của Hội đồng quản trị về việc phân phối lợi nhuận 2025 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 40.242.470.810 đồng;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 6.962.912.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 7 năm 2024), vốn điều lệ của Tổng Công ty là 13.288.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 13.288.000.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Số đầu kỳ VND
Bộ Công Thương	88,47%	11.755.829.660.000	88,47%	11.755.829.660.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11,53%	1.532.170.340.000	11,53%	1.532.170.340.000
Cộng	100%	13.288.000.000.000	100%	13.288.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.328.800.000	1.328.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.328.800.000	1.328.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.328.800.000	1.328.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.328.800.000	1.328.800.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngoại tệ các loại		
- USD	717.232,48	2.953.946,29
- EUR	244,13	68.506,30
- JPY	-	191,00
- CAD	62.567,54	684,69

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Tổng công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Trong kỳ, Tổng Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu (chi tiết tại Thuyết minh số VI.1). Do đó, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.574.642.476.421	2.091.846.169.543
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	2.442.849.633.550	1.976.909.496.072
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.430.458.711	96.780.618.855
- Doanh thu khác	24.362.384.160	18.156.054.616
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.460.622.221	4.364.300.113
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại	1.994.722.938	3.762.452.369
- Giảm giá hàng bán	37.037	27.236.700
- Hàng bán bị trả lại	1.465.862.246	574.611.044
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.571.181.854.200	2.087.481.869.430
Doanh thu bán hàng với bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	596.739.274.924	555.513.092.419

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	2.197.255.374.894	1.678.253.657.840
Giá vốn của dịch vụ, vận tải	84.931.292.887	73.951.726.921
Các khoản chi phí vượt mức bình thường, không phân bổ	7.026.211.726	11.376.242.246
Giá vốn khác	4.914.302.489	4.425.310.188
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(108.720.258.919)	28.680.058.307
Cộng	2.185.406.923.077	1.796.686.995.502

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	535.271.897.397	413.322.775.552
Lãi hoạt động hỗ trợ vốn (*)	35.434.048	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.705.182.237	9.641.724.551
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	225.349.827	11.316.419
Doanh thu hoạt động tài chính khác	56.964.997	34.833.548
Cộng	538.294.828.506	423.010.650.070

(*) Trong kỳ này, Tổng Công ty chưa ghi nhận lãi hoạt động hỗ trợ vốn của các khoản hỗ trợ vốn cho tất cả các công ty con và công ty liên kết. Lãi hoạt động hỗ trợ vốn phát sinh từ các khoản hỗ trợ vốn trên được Tổng Công ty xác định và ghi nhận phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh của công ty liên kết với lãi suất từ 0%-5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	779.802.185	538.524.258
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.176.777.014	3.693.556.679
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	99.595.930	298.160.990
Chi phí tài chính khác	47.654.709	77.996.863
Cộng	3.103.829.838	4.608.238.790

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	20.612.549.755	16.484.024.335
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	3.634.767.229	2.474.080.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.024.586.607	1.200.841.568
Trích lập/ hoàn nhập chi phí bảo hành	(240.626.113)	(12.161.144)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.415.769.869	8.151.432.098
Chi phí bằng tiền khác	18.158.933.126	16.308.118.875
Cộng	54.605.980.473	44.606.336.373

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	144.302.558.733	135.553.760.984
Chi phí vật liệu quản lý	3.917.467.422	3.900.403.120
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.020.123.751	3.233.748.358
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.433.315.994	15.980.568.129
Thuế, phí và lệ phí	12.854.554.230	7.213.788.617
Trích lập/(Hoàn nhập) chi phí dự phòng	753.099.293	1.000.431.089
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.012.057.821	13.796.176.939
Chi phí bằng tiền khác	47.373.007.247	48.000.236.019
Cộng	244.666.184.491	228.679.113.255

7. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu thanh lý tài sản cố định, phế liệu, vật tư thu hồi	6.431.444.400	3.749.850.911
Thu tiền đền bù, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng	2.790.684.709	1.429.664.528
Thu nhập khác	1.701.572.312	1.647.900.960
Cộng	10.923.701.421	6.827.416.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng, tạm ngừng hoạt động	34.786.183.291	2.296.588.275
Các khoản vi phạm thuế, vi phạm hành chính	8.357.840.576	1.882.910.783
Chi phí khác	614.222.307	670.453.667
Cộng	43.758.246.174	4.849.952.725

9. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty	91.319.612.987	68.431.570.228
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	34.727.053.861	29.791.266.473
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	126.046.666.848	98.222.836.701

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.955.450.288.143	3.372.914.085.552
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.955.450.288.143	3.372.914.085.552
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.328.800.000	1.328.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.977	2.538

- (i) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, do Tổng Công ty chưa dự tính được trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026. Ngoài ra, Tổng Công ty đã thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2025. Tuy nhiên, Tổng Công ty không tách được quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kết toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 nên không trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu. Chỉ tiêu này sẽ được trình bày lại vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty
Công ty Cổ phần NAKYCO	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	Công ty liên kết
Công ty Honda Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty TNHH Ford Việt Nam	Công ty liên kết

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng	596.739.274.924	555.513.092.419
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	336.700.000	283.734.978
Công ty Honda Việt Nam	-	525.555.236.655
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	547.951.430.766	29.674.120.786
Công ty TNHH Ford Việt Nam	48.451.144.158	-
Mua hàng	83.700.241.356	89.318.502.760
Công ty Cổ phần Đầu tư Veam Tây Hồ	427.375.782	831.536.832
Công ty Honda Việt Nam	83.272.865.574	88.486.965.928
Cổ tức lợi nhuận được chia	6.184.329.293.707	6.111.302.624.240
Công ty Honda Việt Nam	6.183.878.083.707	5.931.764.124.421
Công ty TNHH Ford Việt Nam	-	179.267.773.819
Công ty Cổ phần Đầu tư Veam Tây Hồ	451.210.000	270.726.000
Lãi hỗ trợ vốn	35.434.048	-
Công ty Cổ phần NAKYCO	35.434.048	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	206.992.563.595	218.965.317.998
Công ty Cổ phần NAKYCO	2.173.940.556	2.203.940.556
Công ty Honda Việt Nam	97.855.883.703	112.817.276.584
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	11.557.337.899	8.538.699.421
Công ty CP Matexim Hải Phòng và Chi nhánh	93.233.179.437	93.233.179.437
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong AUTO	2.172.222.000	2.172.222.000
Trả trước cho người bán	176.179.728.269	176.179.728.269
Chi nhánh Công ty CP Matexim Hải Phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong AUTO	169.609.728.269	169.609.728.269
Công ty Cổ phần NAKYCO	70.000.000	70.000.000
Phải thu khác ngắn hạn	6.305.740.864.874	3.088.209.409.329
Phải thu về hỗ trợ vốn	83.004.324.210	83.504.324.210
Công ty CP Matexim Hải Phòng	81.500.000.000	82.000.000.000
Công ty Cổ phần NAKYCO	1.504.324.210	1.504.324.210
Phải thu lãi hỗ trợ vốn	35.729.117.135	35.693.683.087
Công ty CP Matexim Hải Phòng	34.234.914.328	34.234.914.328
Công ty Cổ phần NAKYCO	1.494.202.807	1.458.768.759
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	6.185.947.243.207	2.967.951.221.710
Công ty Honda Việt Nam	6.183.878.083.707	2.965.882.062.210
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	1.868.256.000	1.868.256.000
Công ty Cổ phần NAKYCO	200.903.500	200.903.500
Các khoản phải thu khác	1.060.180.322	1.060.180.322
Công ty CP Matexim Hải Phòng và Chi nhánh	977.380.322	977.380.322
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	82.800.000	82.800.000
Phải trả người bán ngắn hạn	86.875.500	927.561.350
Công ty Honda Việt Nam	-	840.685.850
Công ty Cổ phần NAKYCO	86.875.500	86.875.500
Vay ngắn hạn	1.770.000.000	1.800.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	1.770.000.000	1.800.000.000

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (i)	1.514.090.910	1.611.550.805

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

(i) Khoản thanh toán và phân bổ thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng và thuê kho tại các địa điểm sau:

- Khoản thuê Văn phòng tại số 90 - 92 Trần Bình Trọng, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2008 ký ngày 04 tháng 8 năm 2008 và Phụ lục ngày 08 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 20 năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2008. Tiền thuê đã trả một lần là 30.645.000.000 đồng.
- Khoản thuê đất và tài sản trên đất tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo Hợp đồng kinh tế số 06/HĐKT/TAMAC-VEAM/2025 ký ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, thời hạn thuê 10 tháng từ ngày 02 tháng 09 năm 2025 đến ngày 02 tháng 07 năm 2026, đơn giá thuê 1.495.000.000 đồng/năm.
- Khoản thuê kho tại Tổ 22, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 1512/HĐ-VEAM-CPLOA ký ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Phụ lục số 002/2025/VEAM-COLOA ngày 30 tháng 12 năm 2025. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, đơn giá thuê 78.540.000 đồng/năm.
- Khoản thuê kho tại Khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng số 001/HĐ-VEAM/SVEAM/2025 ký ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Phụ lục số 001/2025/VEAM - SVEAM ngày 31 tháng 12 năm 2025. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 31 tháng 12 năm 2026, đơn giá thuê 99.600.000 đồng/năm.
- Nhà máy ô tô VEAM (Đơn vị trực thuộc Tổng Công ty) đang sử dụng thửa đất được thuê tại phường Bắc Sơn, thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo hợp đồng số 212/HĐ/TP ngày 18/12/2006 giữa Tổng Công ty và UBND tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích tổng khu đất thuê là 288.804,9 m². Theo các hợp đồng này, Nhà máy ô tô VEAM phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng 01 năm	85.500.000	354.343.182

3. NỢ TIỀM TÀNG

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam ("SVEAM") có các nợ tiềm tàng sau:

Về vấn đề thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào:

Ngày 28 tháng 07 năm 2009, Cục thuế Đồng Nai có công văn số 2732/CT - KT1 về việc không cho hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với 02 lô hàng xuất khẩu cho Công ty ASCO (Iraq) theo các hợp đồng số M121/99 và M122/99 ngày 08 tháng 9 năm 1999 liên quan đến chương trình trả nợ thanh toán chậm cho Iraq do Công ty chưa cung cấp được chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Ngày 21 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính có công văn số 14826/BTC-TCT trả lời Cục Thuế tỉnh Đồng Nai về việc đồng ý chưa thu hồi số thuế giá trị gia tăng đã hoàn cho Công ty liên quan đến hợp đồng xuất khẩu bán hàng hóa thanh toán trả chậm cho Công ty ASCO thuộc Bộ Nông nghiệp Iraq thuộc Chương trình trả nợ thanh toán chậm cho Iraq để chờ kết quả đối chiếu nợ giữa hai Chính phủ. Khi có kết quả đối chiếu nợ thuộc Chương trình trả nợ thanh toán chậm cho Iraq giữa hai Chính phủ liên quan đến hợp đồng xuất khẩu có liên quan của Công ty thì Công ty có trách nhiệm xuất trình văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về số tiền phía nước ngoài phải thanh toán theo hợp đồng xuất khẩu có liên quan được tính giảm trừ nợ của phía Việt Nam cho Cục thuế để thay thế chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa xuất khẩu theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Ngày 23 tháng 12 năm 2019, Cục thuế Đồng Nai có Quyết định số 2892/QĐ-THMPQĐXP-CT về việc tạm thời chưa thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng nêu trên.

Đến thời điểm hiện tại, SVEAM vẫn chưa nhận được văn bản của Cơ quan có thẩm quyền đưa ra quyết định cuối cùng về vấn đề này, nên Công ty chưa xác định được nghĩa vụ có phải nộp lại khoản thuế giá trị gia tăng được hoàn lại này theo Công văn của Cục thuế hay không.

Về vấn đề tiền thuế đất tại địa chỉ Khu phố 29, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: Khu phố 1, Phường Tam Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai):

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, SVEAM đang tiếp tục làm việc và gửi các kiến nghị đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xem xét, xác định lại đơn giá thuê đất và chính sách miễn, giảm tiền thuê đất theo Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 đối với khu đất thuê tại Khu phố 29, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian chờ ý kiến chính thức từ các cơ quan chức năng, SVEAM đang ghi nhận và thực hiện nghĩa vụ tiền thuê đất trên cơ sở nguyên tắc điều chỉnh đơn giá thuê đất theo chu kỳ 05 năm, theo đó mức điều chỉnh không vượt quá 15% so với đơn giá đang áp dụng của kỳ trước, căn cứ theo Quyết định số 1357/TC/QĐ/TCT ngày 30 tháng 12 năm 1995 của Tổng cục Thuế và hướng dẫn tại Văn bản số 6366/STNMT-QH ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

Liên quan đến khu đất nêu trên, SVEAM đã nhận được các thông báo thu tiền thuê đất của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai cho các giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2025.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, SVEAM đang tiếp tục làm việc với các cơ quan chức năng để làm rõ các nội dung liên quan. Công ty sẽ thực hiện hạch toán và điều chỉnh các nghĩa vụ liên quan (nếu có) trên cơ sở kết luận chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam ("SVEAM") có các tài sản tiềm tàng sau:

Liên quan đến vấn đề thu hồi đất Xưởng Cao su:

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, SVEAM nhận được Thông báo số 441/TB-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Biên Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Theo đó, Công ty bị thu hồi khu đất Xưởng Cao su thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ địa chính số 35, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trảng Bền).

Ngày 10 tháng 10 năm 2025, SVEAM nhận được Quyết định số 2293/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Phường Trảng Bền về việc bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam bị thu hồi đất.

4. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Liên quan đến vấn đề thu hồi đất Nhà máy 2:

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, SVEAM nhận được Thông báo số 1893/TB-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Biên Hòa về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Chuyển đổi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 thành Khu đô thị - thương mại - dịch vụ và cải thiện môi trường, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Theo đó, SVEAM bị thu hồi khu đất Nhà máy 2 thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ địa chính số 47, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường Trảng Bền).

Ngày 30 tháng 06 năm 2026, SVEAM nhận được Quyết định số 3706/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Phường Trảng Bền về việc bồi thường, hỗ trợ cho Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam bị thu hồi đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

SVEAM đã nhận được các Quyết định về bồi thường, hỗ trợ đối với hai khu đất nêu trên. Tuy nhiên, sau khi rà soát, Công ty nhận thấy mức bồi thường, hỗ trợ theo các quyết định này chưa phản ánh đầy đủ giá trị tài sản gắn liền với đất bị thu hồi. Do đó, SVEAM chưa đồng ý với mức bồi thường, hỗ trợ nêu trên và đã thuê đơn vị thẩm định giá độc lập để xác định lại giá trị tài sản phục vụ thanh lý tài sản trên đất để giao trả mặt bằng cho địa phương, đồng thời làm cơ sở để kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét phương án bồi thường phù hợp.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, SVEAM chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và các bên vẫn đang trong quá trình trao đổi, xử lý. Do chưa có quyết định cuối cùng về mức bồi thường được chấp thuận nên SVEAM chưa ghi nhận khoản phải thu hoặc thu nhập liên quan đến nội dung này trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

SVEAM sẽ thực hiện ghi nhận khi có quyết định chính thức và đáp ứng điều kiện ghi nhận theo quy định kế toán hiện hành.

5. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 149/HĐLD/THĐ-TBG ngày 10/11/2009 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PI-HĐLD ngày 15/10/2010 ký giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tài chính Thái Bình ("TBG"), TBG sẽ đền bù cho Công ty con giá trị lợi thế thương mại, tài sản nổi trên đất (nhà cửa, vật kiến trúc) với số tiền là 40.000.000.000 VND; Số tiền này sẽ được TBG thanh toán theo phương thức thay mặt Công ty con chuyển tiền góp vốn Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Tài chính Thái Bình Dương (Công ty liên doanh). Tuy nhiên, Công ty con chưa được đối tác cung cấp hồ sơ, tài liệu về giao dịch thanh toán này của TBG cho Công ty liên doanh; theo đó, Công ty con không ghi nhận giá trị khoản vốn góp vào Công ty liên doanh trên Báo cáo tài chính.

6. THÔNG TIN KHÁC

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Đồng thời các lô đất thuê trong toàn Tổng Công ty đang được rà soát để ký lại các hợp đồng thuê đất khi Tổng Công ty chuyển từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần với các cơ quan có thẩm quyền.

Các thông tin khác

Tổng Công ty đang thực hiện các kết luận tại Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07/07/2023 của Thanh tra Chính phủ về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và Kết luận số 3202/KL-BCT ngày 08/5/2019 của Bộ Công Thương về thanh tra công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác tổ chức cán bộ tại Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp - CTCP. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo các kết luận và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện cũng như các vướng mắc trong quá trình triển khai đến các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 03 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2022/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số V.4, V.5, V.12), Bản án số 157/2025/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để có cơ sở đẩy mạnh việc thu hồi toàn bộ số tiền theo các bản án nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15/11/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12/06/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, các cá nhân có liên quan trong việc mua bán xe ô tô giảm giá trái quy định định; mua sắm, lắp, yếm trái quy định phải bồi thường cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 55.673.446.360 VND và 16.828.878.687 VND, buộc các cá nhân có liên quan phải trả lại cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 2.417.298.653 VND và 1.468.609.133 VND. Đồng thời, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Ngày 23/01/2024, Giám đốc Nhà máy ô tô Veam đã gửi Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội Đơn yêu cầu thi hành án với các nội dung tại các Bản án nêu trên. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản phải thu theo kết quả bản án và tiền lãi chậm trả tương ứng theo nguyên tắc thận trọng do các khoản công nợ phải thu này chưa xác định được thời gian thu hồi.

7. SO SÁNH SỐ LIỆU

Như đã trình bày tại Thuyết minh III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 99/2025/TT-BTC ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2025 và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ban hành ngày 20 tháng 04 năm 2026 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

Theo đó, một số số liệu kỳ trước đã được trình bày lại theo hướng dẫn tại điều khoản chuyển tiếp của Thông tư 99 và Thông tư 43 và được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh, phân loại lại đến Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01 tháng 01 năm 2026:

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại/ Phân loại lại VND	Số sau trình bày lại/Phân loại lại VND
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	13.758.009.657.792	508.113.101.637	14.266.122.759.429
2. Phải thu ngắn hạn khác	135	3.762.903.730.554	(508.113.101.637)	3.254.790.628.917
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	23.110.073.430	23.110.073.430
4. Phải trả ngắn hạn khác	320	201.584.252.007	(23.110.073.430)	178.474.178.577
5. Vốn khác của chủ sở hữu	414	27.089.186.656	2.839.182.636	29.928.369.292
6. Nguồn kinh phí	431	800.901.537	(800.901.537)	-
7. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	2.038.281.099	(2.038.281.099)	-

8. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu



Nguyễn Minh Thắng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Phê duyệt ngày 22 tháng 08 năm 2026